

Khi nghiên cứu và so sánh thành tựu của Trung Quốc tại các vùng biển gần Đông Á, người ta hầu như bỏ qua hoàn toàn khái niệm *kinh lược hải dương (jinglue haiyang)*, đây là khái niệm mới diển cho các nhân tố giúp vận hành “chiến lược công quốc biển” của Trung Quốc.



Khi nghiên cứu và so sánh thành tựu của Trung Quốc tại các vùng biển gần Đông Á, người ta hầu như bỏ qua hoàn toàn khái niệm *kinh lược hải dương (jinglue haiyang)*,

khái niệm mà gần đây đã được

Đảng-Nhà nước xác nhận là một khía cạnh đặc biệt trong chiến lược công quốc biển của Trung Quốc.

*Kinh lược*

*(jinglue)*

không

phải là một thuật ngữ thông dụng; cụ thể, hầu hết các tài liệu đều không định nghĩa cụm từ này. Đây là một động từ được cấu thành bởi từ

*kinh (jing)*

, nghĩa là quản lý hay quản trị, với từ

*lược (lue)*

, nghĩa là chiến lược hay mưu lược. Theo Từ điển

*Từ Hải (Cihai)*

ấn bản năm 1979, thuật ngữ này có nghĩa là “giới quyết vận đở trên cơ sở lên kế

hoạch tđ trđđc”. Chúng ta có thể tìm đđch cđm tđ này là “quđn lý chiđn lược”, và cđm tđ

*kinh lược hải đđng*

sđ đđđc đđch là “quđn lý chiđn lược vùng biđn”.

Các nguđn chính thđng và gđn nhđ chính thđng cđa Trung Quđc, cđ thể là các đn phđm cđa hải quân, hiđn tđi thđđng xuyên trích đđn khái niđm mới này, hđ xem đây là mđt hòn đá tđng trong tđ duy chiđn lược cđa Chđ tđch Tđp Cđn Bình, nguđi đđng thđi là Chđ tđch Quân đy Trung đđng. Đây là mđt thuđt ngđ đđng đđ chúng ta đào sâu tìm hiđu biđi nó là mđt thuđt ngđ khá mới mđ cđng nhđ có ý nghđa quan trđng nđu muđn hiđu rõ chính sách biđn cđa Trung Quđc. Nghiên cđu mđt cách kđ càng các vđn biđn Trung Quđc, chúng ta thđy khái niđm này đđng hđ cho mđt quan đđđm rđng mđ vđ viđc sđ đđng sđc mđnh trên biđn trong thđi bình, tđ đó có lđ sđ làm sáng tđ tđi sao nhà lãnh đđo hải đđi lđi muđn theo đđđi tham vđng thđng trđ biđn mđt cách có hđ thđng và chđ đđng hđn, đđc biđt là tđi Biđn đđng.

### **Con đđđng đđn đđn sđ phê chuđn cđa khái niđm mới**

Khái niđm quđn lý chiđn lược vùng biđn trên thđc tđ không phđi là mđt cái gì đó quá mới mđ. Trong mđt bài báo đđng trên *Hđc báo Thái Bình Đđđng (Taipingyang Xuebao)* nđm 1996, La Ngđc Nhđ, mđt đđđi úy đđ nghđ hải cđa Hải quân Quân Giđi phóng Nhân dân (PLA) và nguyên là Cđc trđđng Cđc Hải đđđng Quđc gia (SOA), chđ trđđng đđa khái niđm này trđ thành cđt lõi trong chiđn lược biđn Trung Quđc. Đđnh nghđa cđa ông La vđ thuđt ngđ này, sau gđn 20 nđm, vđn còn giá trđ:

*Kinh lược hải đđng* nđm trong phđm vi cđa chiđn lược quđc gia. Vđ cđ biđn, thuđt ngđ này có nghđa là sđ đđng các công cđ chính trđ, công nghđ và ngođi giao đđ tham gia vào hođt đđng quđn lý đ mđc đđ cao và toàn đđđn các lđi ích và an ninh quđc gia trong lđnh vđc biđn, và áp đđng các biđn pháp quyđt liđt đđ đđy nhanh viđc phát triđn và khai thác biđn, tđng cđđng quđn lý toàn đđđn vùng biđn, và bđo vđ các quyđn và lđi ích quđc gia trên tđt cđ các phđđng đđđn.

[\[1\]](#)

Tđ giđa nhđng nđm 1990, các nhà bình luđn cđa Trung Quđc thđđng xuyên kêu gđi nđđc này thđc thi mđt chính sách quđn lý chiđn lược vùng biđn. Các kiđn nghđ có

thì khác nhau, nhưng cách hiểu về thuật ngữ này là giống nhau. Khái niệm này bao hàm một chiến lược quốc gia tổng thể được xây dựng và giám sát bởi các cấp cao nhất của chính phủ. Khái niệm này gắn liền với nỗ lực của nhiều cơ quan, bộ, ban ngành khác nhau. Khái niệm này cũng hàm ý việc chi phối theo đuổi các mục tiêu đã-được-xác-định-rõ-ràng. Mục tiêu phát triển kinh tế vẫn luôn được xem là mục tiêu cốt lõi, nhưng an ninh biên và “bảo vệ các quyền” cũng đã trở thành những mối lo ngại đáng kể. Vì vậy, các công cụ thực thi sẽ mạnh mẽ trên biên – công cụ là Hải quân PLA – nhiều khi không đóng những vai trò quan trọng trong việc quản lý chiến lược vùng biên.

Mục tiêu đôi khi xuất hiện trên các văn phạm chính thống, nhưng khái niệm này không phải là một chính sách chính thức. Ra đời vào cuối tháng 4/2013, Quy hoạch Phát triển Hải dương 5 năm liên tiếp 12 không đề cập gì tới khái niệm này. Quản lý chiến lược cũng không xuất hiện trong Sách Trắng tháng 4/2013 về “Đổi mới hóa Hoạt động của Lực lượng Vũ trang Trung Quốc” ( [Xinhua](#) , ngày 16/4/2013).

Tất cả đã thay đổi đột ngột chỉ 3 tháng sau đó. Ngày 30/7, các thành viên của Bộ Chính trị, Đảng Cộng sản Trung Quốc (CCP) nhóm họp tại một buổi thảo luận về chi phí của Trung Quốc trở thành một công quốc biên. Tại cuộc họp này, Chủ tịch Tập Cận Bình đã có một bài phát biểu mà sau đó đã được truyền thông Trung Quốc tóm tắt. Phần mở đầu của bản tóm tắt chính thức bao gồm đoạn văn sau, cũng được ghi là tiêu đề cho bài phát biểu của ông Tập: “Chúng ta cần hành động nhiều hơn nữa để khai thác các lợi ích trên biên, hiểu rõ về biên, và quản lý chiến lược vùng biên, và tiếp tục hành động nhiều hơn nữa để thúc đẩy các nỗ lực nhằm đưa Trung Quốc trở thành một công quốc biên” ( [People’s Daily](#) , ngày 1/8/2013). [2]

Mục tiêu đây chỉ là một bản tóm tắt ngắn gọn bài phát biểu của ông Tập, nhưng chúng ta có thể rút ra một vài kết luận, và một trong những kết luận quan trọng nhất đó là “quản lý chiến lược vùng biên” hiện đã trở thành một phần không thể thiếu trong chiến lược công quốc biên của Trung Quốc. Đây là một thuật ngữ bao trùm cho các hoạt động nhằm khai thác lợi ích biên và hiểu rõ hơn về biên. Các thành tố chính của chiến lược công quốc biên của Trung Quốc được đưa ra tại bài hội 18 của Đảng – bảo vệ các quyền/lợi ích trên biên, bảo vệ môi trường, tăng cường năng lực khai thác tài nguyên biên và phát triển kinh tế biên – hoàn toàn đúng như với những quan niệm trước đó về *kinh tế mới* . Với chỉ 4 từ, khái niệm “quản lý chiến lược” đã phác họa được bản chất trong các mục tiêu của Trung Quốc.

## **Qu...n lý chi...n I...c v...i vai trò là m...t chính sách**

Rõ ràng, qu...n lý chi...n I...c vùng bi...n là m...t khái ni...m có tác đ...ng t...i t...t c... các b..., ban, ngành có trách nhi...m v... các v...n đ... trên bi...n. ... hi...u rõ h...n v... ý ngh...a c...a khái ni...m này đ...i v...i H...i quân PLA, chúng ta nên ki...m ch...ng xem đ...n v... này đã di...n gi...i và s... d...ng thu...t ng... này nh... th... nào. Vi...c nghi...n c...u sâu nh...ng thông tin trên t... báo chính th...c c...a h...i quân, t... *People’s Navy*, đ...m l...i nh...ng thông tin h...u ích. B...ng d...i đây mô t... t...n su...t c...a vi...c s... d...ng thu...t ng... “*kinh I...c*”

t... n...m 2010.

## **Vi...c s... d...ng thu...t ng... “qu...n lý chi...n I...c” trên t... *People’s Navy* t... n...m 2010**

N...m

S... bài báo

2010

0

2011

0

2012

5

2013

13

2014

21\*

*\*Chƣa tƣnh thƣng 11 vƣ thƣng 12.*

Viƣc phƣn tƣch nƣi dung cƣa nhƣng bƣi bƣo nƣy cho phƣp đƣ đƣn nhƣng đƣnh giƣ sƣu:

1. Thuƣt ngƣ “quƣn lý chiƣn lƣc” lƣn đƣu xuƣt hiƣn vƣo thƣng 10/2012. Tƣ thƣi đƣiƣm đƣ, thuƣt ngƣ nƣy đƣ đƣc sƣ đƣng trong 39 bƣi bƣo, xuƣt hiƣn vƣi tƣn suƣt tƣng đƣn theo thƣi gian.

2. Thuƣt ngƣ nƣy hƣu nhƣ, nhƣng khƣng phƣi lƣ tuyƣt đƣi, đƣ cƣp tƣi nhiƣm vƣ chiƣn lƣc cƣa Hƣi quƣn PLA tƣi cƣc vƣng biƣn gƣn tƣi ƣng Ƣ.

3. Biển Đông là vùng biển duy nhất được liên hệ chặt chẽ với khái niệm quản lý chiến lược.

4. Thuật ngữ này thường xuyên xuất hiện song song với cụm từ “bảo vệ các quyền và lợi ích biển.”

Việc khái niệm này bắt đầu xuất hiện thường xuyên trong nửa cuối năm 2012 cho thấy nó đã được chấp nhận trong nội bộ một thời gian khá dài trước khi Chủ tịch Tập Cận Bình ghi nhận khái niệm này như là một chính sách. Trong bài phát biểu tại một nhóm thảo luận nội bộ hội đồng lần thứ 18, được tổ chức *People’s Navy* vào ngày 13/11/2012

Phó Đô đốc Hải quân Trung Quốc Liết nêu bật 4 lĩnh vực phát triển trong tương lai cho hải quân. Trong diễn văn, ông Trung nói rằng, “Chúng ta cần hành động nhiều hơn nữa trong việc thực thi chiến lược ‘quản lý chiến lược’ Biển Đông. Hàm ý là một lực lượng có vai trò chiến lược quan trọng tại Biển Đông. Lực lượng này giúp đảm bảo an ninh của các tuyến đường giao thông trên biển quan trọng và giúp bảo vệ có hiệu quả chủ quyền quốc gia và các quyền và lợi ích trên biển. Chúng ta cần làm nhiều hơn nữa để cải thiện hoạt động nghiên cứu lý thuyết và quản lý chiến lược tại Biển Đông; chủ động kết hợp [các hành động nhằm] bảo vệ các quyền và [các hành động nhằm] duy trì sự ổn định; tăng cường toàn diện sự kiểm soát chiến lược Biển Đông; và bảo vệ, xây dựng một cách toàn diện và quản lý chiến lược Biển Đông.”

[\[3\]](#)

Việc sử dụng thuật ngữ này trở nên thường xuyên hơn trong quý đầu của năm 2014 liên quan đến chiến dịch truy cập bá tước thông qua ông Tập cho lực lượng hải quân. Vào ngày 19/3, 16 sĩ quan hải quân cấp cao đã đưa ra các bài báo bày tỏ nguyện vọng dành cho sự yên tâm chiến lược của ông Tập. Những vấn đề nổi bật dài 800 từ này cung cấp một góc nhìn thú vị về bản chất thực tế thông qua ông Tập trong vấn đề sức mạnh trên biển của Trung Quốc. Khái niệm quản lý chiến lược vùng biển đã được nhắc đến nhiều lần.

Bài viết của Phó Đô đốc Trung Quốc Triệu Hải là một điểm đáng chú ý, bởi vì trí phó chủ huy Hàm đội Nam Hải của ông. Trong bài báo của mình, ông Triệu viết rằng, “Trong cả hai chuyến thăm Hàm đội Nam Hải, ông Tập Cận Bình đều nhận mạnh tại vấn đề bảo vệ các quyền trên Biển Đông. Ông chỉ ra rằng hải quân cần phải nhìn nhận vấn đề từ góc độ an ninh quốc gia và chiến lược phát triển, rằng hải quân cần phải hoàn thành mục tiêu quan trọng đó là quản lý chiến lược Biển Đông.” [\[4\]](#)

Để làm điều này, ông Võng viết trong bài báo của mình, Hải quân PLA cần phải tăng cường hợp tác với lực lượng chấp pháp trên biển bởi cơ quan này đang theo đuổi việc “kiểm soát hành chính” (*guankong*) – một khái niệm đang ngày càng được chú ý trong những năm qua – đối với Biển Đông (*The National Interest*, ngày 1/10/2014). Cụ thể, điều này có nghĩa là tăng cường tận suýt và chặt chẽ các cuộc diễn tập chung, thiết lập một cơ cấu chỉ huy chung và chia sẻ thông tin tình báo. Ông Võng viết tiếp, “Chúng ta cần phải... thực thi toàn diện chính sách, từ đó đảm bảo rằng chúng ta sẽ có được sự kiểm soát hành chính và thực hiện hoạt động chấp pháp theo các quy định trên Biển Đông một cách có hiệu quả.” Với mục tiêu đó, Hải quân PLA đóng vai trò hỗ trợ cho hoạt động cho các lực lượng chấp pháp - cơ quan có vai trò nhàn là công cụ chính trong chiến lược bảo vệ các quy định của Trung Quốc.

Một vài bài báo nêu bật tầm quan trọng của các đảo và các thực thể đất liền khác trong nỗ lực nhằm có được sự quản lý chiến lược Biển Đông. Ví dụ, trong một chuyên đề thảo sát tại Hội Phú Lâm vào tháng 10/2012, ngay khi đó là Phó Chính ủy hải quân, Phó Đô đốc Trường Triêu Ngân, chỉ ra rằng “quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa), Nam Sa (Trường Sa), và Trung Sa (Bãi Macclesfield) là những cơ sở có nguồn tài nguyên chiến lược phục vụ cho phát triển của Trung Quốc trong dài hạn. Những quần đảo này là những trọng điểm chiến lược quan trọng cho Trung Quốc để bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh và lợi ích phát triển. Chúng có vai trò vô cùng quan trọng đối với việc quản lý chiến lược Biển Đông...” [5]

Khái niệm quản lý chiến lược hiện giờ đã được lồng ghép xuyên suốt vào trong các phát biểu công khai của các quan chức cấp cao. Tháng 8/2014, Hải quân có tổ chức một hội thảo nhân dịp 120 năm Chiến tranh Trung-Nhật nổ ra. Trong phát biểu của mình, Đô đốc Ngô Thế Hưng có nói: “Tôi muốn với môi trường chiến lược quốc tế đang thay đổi một cách sâu sắc và ngày càng phức tạp, cùng với các nguy cơ bất ổn đáng lo ngại trên biển, chúng ta cần phải thực hiện triệt để các ý tưởng lớn của Chủ tịch Tập Cận Bình liên quan đến quản trị chiến lược vùng biển, bảo vệ các quy định trên biển và xây dựng hải quân.” [6] Việc những ngôn từ này được nhắc tới trong bài phát biểu của người đứng đầu Hải quân Trung Quốc và công là một thành viên của Quân ủy Trung ương cho thấy rằng việc quản lý chiến lược vùng biển giờ đây đã trở thành một khái niệm có vai trò trung tâm cho chiến lược hải quân trong thời bình.

## **Kết luận**

Các lãnh đạo Trung Quốc đã chấp nhận khái niệm quản lý chiến lược vùng biển. Tuy nhiên, các vấn đề công khai có thể tiếp cận của chính phủ Trung Quốc không đưa ra một định nghĩa thực đáng cho khái niệm này, hay khái niệm này sẽ được triển khai thực hiện như thế nào. Điều có thể rút ra đó là khái niệm này bao gồm một chiến lược toàn diện trong thời bình nhằm khai thác vùng biển cho mục tiêu kinh tế, bảo vệ môi trường biển, bảo vệ biên giới biển và bảo vệ đất liền khỏi các nguy cơ từ biển. Nói ngắn gọn, khái niệm này đi để cho các nhân tố giúp vấn đề hành “chiến lược công quốc biển” của Trung Quốc.

Việc nghiên cứu sâu về báo của Hải quân PLA cho thấy khái niệm này, trong bối cảnh quản lý chiến lược quốc phòng, hàm ý việc tiến tới sẽ thông qua trên biển một cách đáng kể. Hay có thể hơn đó là kết hợp khả năng nhận biết các vấn đề trên biển ở mức độ cao, nâng lực ngăn chặn các hành vi xâm phạm từ bên ngoài, và nâng lực đáp trả mạnh mẽ đối với các thách thức và các động thái khiêu khích nếu như chúng xảy ra. Điều đó đồng nghĩa với việc chế độ áp đặt trật tự hay “kiểm soát hành chính” trên vùng biển yêu sách chủ quyền và quyền tài phán. Các lực lượng chấp pháp Trung Quốc sẽ duy trì trật tự này, với sự hỗ trợ của Hải quân PLA, cơ quan có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động và ngăn chặn sự can thiệp của quân đội nước ngoài.

Rất nhiều các sáng kiến trên biển đã được đưa ra kể từ sau bài phát biểu phiên thảo luận tại Bộ Chính trị của ông Tập; những động thái sau đó cho thấy rõ rằng chính phủ đang hành động dựa trên một khái niệm chiến lược mới. Tuy nhiên, sẽ là quá vội vàng khi khẳng định rằng hai điểm biển này có mối liên hệ với nhau nếu không có thêm các bằng chứng trên thực tế. Điều chúng ta có thể tạm khẳng định đó là các chứng trình của tập thể ở đây – giới định rằng hoạt động này dẫn đến việc tăng cường sự hiện diện của PLA tại các đảo tranh chấp – và việc Hải quân PLA có động thái hỗ trợ Cảnh sát Biển trong hoạt động bảo vệ giàn khoan HYSY 981 đều nằm hoàn toàn trong mục tiêu quản lý chiến lược vùng biển, như đã đề cập ở trên. Ít nhất, sẽ xuất hiện của thuật ngữ này trong các vấn đề của chính phủ và các tài liệu chính thống khác đáng để chúng ta theo dõi trong những năm mà ông Tập còn nắm quyền.

*Tác giả Ryan Martinson là một nhà nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu Trung Quốc thuộc Đại học Hải Chiên M tại Newport, Rhode Island. Quan điểm trong bài viết là của riêng tác giả, không phản ánh quan điểm của chính phủ hay Hải quân M. Bài viết được đăng lên đầu trên [The Jamestown Foundation](#).*



**Người dịch: Quang V**

**Hội đồng: Kim Minh**

---

[1] Luo Ruyu, “Jinglue Haiyang Ying Zuowei Guojia De Yi Xiang Jiben Guoce,” *Taiping g Yang Xuebao*, 1996/02, tr. 18.

[2] Kể từ năm 1949, Trung Quốc đã thông qua một loạt “chiến lược hải quân”. Những chiến lược này bao gồm “phòng thủ tại bờ biển gần”, “chống động phòng thủ tại các vùng biển gần” và “hoạt động tại vùng biển xa”. Những chiến lược này cấu thành nên chính sách để đánh bại đối thủ trong thời chiến, không giống với *jinglue haiyang*, một khái niệm chiến lược biển trong thời bình (với sự tham gia của tất cả các quan liên quan đến biển). Xem Nan Li, “The Evolution of China’s Naval Strategy and Capabilities: From ‘Near Coast’ and ‘Near Seas’ to ‘Far Seas,’” *Asian Security*, vol. 5, no. 3, 2009.

[3] Jiang Weilie, “Xianqi Xuexi Guanche De Rechao, Tigao Lvxing Shiming Nengli, Quanmian Tuijin Budui Jianshe Kexue Fazhan Anquan Fazhan,” *Renmin Haijun*, ngày 13/11/2012, tr. 2.

[4] Zhang Zhaoyin, “Qieshi Youxiao Weihu Nanhai Haiyang Quanyi,” *Renmin Haijun*, ngày 19/3/2014, tr. 3.

[5] Zhao Zhiwei, “Zhongguo Gongchengyuan Yuanshi Fu Xisha Jinxing Diaoyan,” *Re*

*Renmin Haijun*

, ng y 23/10/ 2012, tr. 1.

[6] Cai Nianchi, Yuan Zhenjun, and Deng Ranzi, “Jiawu Zhanzheng 120 Zhounian Yantaohui He Jidian Yishi Longzhong Juxing,” *Renmin Haijun*, ng y 28/8/2014, tr. 1.